

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 6

Năm học: 2023 - 2024

Thời gian: 60 phút

1. Khung ma trận

Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ kiểm tra, đánh giá						
		Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		V
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	T
Phân môn Lịch sử								
1. Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII TCN đến đầu thế kỉ X.	- Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước TK X.	1 TN*						
	- Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc của người Việt.	2TN*			1TL*			
	- Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỷ X.	2TN*			1/4TL*		2/4TL*	
	- Vương quốc Chăm pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.	2TN*						
	- Vương quốc Phù Nam.	1 TN*						
	8TN, 2TL							
Số câu		20%			15%		10%	

2. Bảng đặc tả

TT	Nội dung kiến thức	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số c mức	
				Nhận biết	Thó hi
1	Chủ đề: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X	Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước TKX	Nhận biết: - Nhận biết được sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân	1TN*	
		Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc của người Việt.	Nhận biết: - Trình bày được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. Thông hiểu: - Những phong tục của người việt được giữ gìn cho	2TN*	

			đến ngày nay, giải thích tại sao truyền thống đó vẫn được lưu giữ. Vận dụng cao: - Liên hệ được đến cuộc sống ngày nay.		1TL
		Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỷ X.	Nhận biết: - Nêu được tên người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán lần thứ nhất năm 938. * - Địa điểm chống quân Nam Hán xâm lược. Thông hiểu: - Giải thích được vì sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán. (*) - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938. - Hiểu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng (938). Vận dụng: - Giải thích được tại sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán (938). Vận dụng cao: - Đánh giá được công lao của Ngô Quyền đối với lịch sử dân tộc ta.	2TN*	1/4T
		Vương quốc Chăm pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X	Nhận biết - Biết được Vương quốc Chăm pa thuộc nền văn hóa nào. - Nêu được những thành tựu về văn hóa và đời sống tinh thần của người Chăm pa. Thông hiểu: - Hiểu được quá trình hình thành và bước đầu phát triển của vương quốc Chăm pa. Vận dụng: - So sánh những điểm giống và khác nhau trong hoạt động kinh tế của cư dân Chăm pa và cư dân Văn Lang - Âu Lạc. Vận dụng cao: - Vẽ được sơ đồ mô tả các thành phần trong xã hội Chăm pa và nêu nhận xét.	2 TN*	
		Vương quốc Phù Nam.	Nhận biết - Lãnh thổ của vương quốc Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Nêu được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. Thông hiểu - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam .	1TN*	

			Vận dụng: - Lập được niên biểu quá trình hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam. Vận dụng cao: - Liên hệ thực tiễn cuộc sống ngày nay.		
Số câu/ loại câu				8TN	1TL 4TL
Tỉ lệ %				20%	15%

1/ Khung ma trận:

Trong/ ngoài đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức							
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vấn đề	
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		TL
Phân môn Địa lí									
TRÊN ĐẤT	- Các thành phần chủ yếu của thủy quyển; Vòng tuần hoàn nước - Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ - Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển - Nước ngầm và băng hà	2TN*							
TRÊN ĐẤT	- Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất - Các nhân tố hình thành đất - Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên. - Sự sống trên hành tinh - Sự phân bố các đới thiên nhiên - Rừng nhiệt đới	3TN*				2/3TL*	1/3TL*		
TRÊN ĐẤT	- Dân số thế giới - Sự phân bố dân cư thế giới - Con người và thiên nhiên - Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	3TN*			1/3 TL*		1/3TL*		
Số câu/ loại câu		8 câu TNKQ		1 TL		1TL			
Tỉ lệ %		20%		15%		10%			

2. Bảng đặc tả:

g/	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ
----	---------------------------	-----------------	------------------------

			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Phân môn Địa lí					
C N I - n)	- Các thành phần chủ yếu của thủy quyển - Vòng tuần hoàn nước - Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ - Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển - Nước ngầm và băng hà	Nhận biết - Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước. - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn. - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. - Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển (khái niệm; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới).	2TN		
I N I =)	- Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất - Các nhân tố hình thành đất - Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất - Sự sống trên hành tinh - Sự phân bố các đới thiên nhiên - Rừng nhiệt đới	Nhận biết - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. - Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới. - Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc vùng ôn đới. Thông hiểu - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất. -Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. Vận dụng Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới Cho ví dụ về sự phân hóa đa dạng của thảm thực vật giữa các đới khí hậu. Vận dụng cao - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.	3TN	2/3TL	1/3TL
Đ N N =)	- Dân số thế giới - Sự phân bố dân cư thế giới - Con người và thiên nhiên - Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. -Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. Thông hiểu - Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. Vận dụng - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người (tác động đến đời sống sinh hoạt của con người; tác động đến sản xuất). -Giải thích vì sao đồng bằng là nơi dân cư tập trung đông đúc. -Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên nước đến phân bố dân cư. Vận dụng cao -Nêu một số cách nhằm hạn chế sử dụng túi ni lông trong cuộc sống hằng ngày.	3TN	1/3TL	1/3TL

u	8 câu TNKQ		
	20%	15%	10%

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN Họ tên HS: Lớp: 6/ Phòng thi.....SBD.....	KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ- LỚP 6 Thời gian : 60 phút (Không kể giao đề)	Điểm:
---	--	--------------

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 Điểm) Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân gắn với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Bà Triệu
 B. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan
 C. Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ
 D. Khởi nghĩa Lí Bí.

Câu 2. Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở nước ta trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Nghề rèn sắt.
 B. Nghề đúc đồng.
 C. Nghề làm giấy.
 D. Nghề làm gốm.

Câu 3. Văn hóa Chăm-pa chịu ảnh hưởng đậm nét của nền văn hóa nào trên thế giới?

- A. Trung Quốc.
 B. Ai Cập.
 C. Ấn Độ.
 D. Ả Rập.

Câu 4. Điểm nổi bật của tình hình văn hóa nước ta thời Bắc thuộc là gì?

- A. Văn hóa Hán không ảnh hưởng nhiều đến văn hóa nước ta.
 B. Nhân dân ta tiếp thu văn hóa Trung Quốc một cách triệt để.
 C. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa để phát triển văn hóa dân tộc
 D. Bảo tồn phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc.

Câu 5. Ai là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán năm 938?

- A. Khúc Thừa Dụ.
 B. Khúc Hạo.
 C. Dương Đình Nghệ.
 D. Ngô Quyền.

Câu 6. Lễ hội tiêu biểu trong đời sống tinh thần của người Chăm-pa là

- A. Xuống đồng.
 B. Cầu mưa.
 C. Đua bò.
 D. Ka-tê.

Câu 7. Lãnh thổ chủ yếu của Vương quốc Phù Nam thuộc khu vực nào ở Việt Nam hiện nay?

- A. Tây Nguyên.
 B. Nam Bộ.
 C. Nam Trung Bộ.
 D. Bắc Trung Bộ.

Câu 8. Ngô Quyền đã lựa chọn địa điểm nào làm trận địa chống quân Nam Hán xâm lược?

- A. Vùng cửa sông Tô Lịch.
 B. Vùng cửa sông Bạch Đằng.
 C. Làng Ràng (Thanh Hóa).
 D. Núi Nưa (Thanh Hóa).

Câu 9: Vùng đất cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là

- A. thượng lưu sông.
 B. hạ lưu sông.
 C. lưu vực sông.
 D. hữu ngạn sông.

Câu 10. Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng

- A. 2,5%.
 B. 30,1%.
 C. 68,7%.
 D. 97,5%.

Câu 11: Đi từ xích đạo về hai cực, các đới thiên nhiên phân bố theo thứ tự như thế nào?

- A. Đới lạnh, đới nóng, đới ôn hòa.
 B. Đới ôn hòa, đới nóng, đới lạnh.
 C. Đới nóng, đới ôn hòa, đới lạnh.
 D. Đới nóng, đới lạnh, đới ôn hòa.

Câu 12: Các thành phần của lớp đất là

- A. không khí, nước, chất hữu cơ và khoáng.
 B. nước, không khí, chất vô cơ và mùn.
 C. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.
 D. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 13: Dân cư thưa thớt ở những khu vực nào sau đây?

- A. Ven biển, hải đảo.
 B. Đồng bằng, trung du.
 C. Ven biển, ven sông.
 D. Hoang mạc, hải đảo.

Câu 14: Nhóm đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở vùng nhiệt đới?

- A. Đất pốt đôn.
 B. Đất đỏ vàng.
 C. Đất phù sa.
 D. Đất đen thảo nguyên.

Câu 15: Tiêu chí nào sau đây thể hiện tình hình phân bố dân cư?

- A. Tỉ lệ sinh.
 B. Mật độ dân số.
 C. Gia tăng cơ học.
 D. Gia tăng dân số.

Câu 16: Thành phố đông dân nào sau đây thuộc châu Á?

- A. Mum-bai.
 B. Cai-rô.
 C. Bra-xin.
 D. Xao Pao-lô.

B. TỰ LUẬN: (6,0 Điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Trình bày đặc điểm rừng nhiệt đới?

Câu 2: (1,5 điểm) Sóng là gì? Nguyên nhân sinh ra sóng? Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên nước đến sự phân bố dân cư.

Câu 3: (1,5 điểm) Những phong tục nào của người Việt từ thời Bắc thuộc vẫn còn được giữ gìn đến ngày nay? Giải thích tại sao qua hàng nghìn năm mà những truyền thống đó vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay?

Câu 4: (1,5 điểm) Tại sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán?

[illegible]

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN Họ tên HS: Lớp: 6/ Phòng thi.....SBD.....	KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ- LỚP 6 Thời gian : 60 phút (Không kể giao đề)	Điểm:
---	--	--------------

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 Điểm) Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Lễ hội tiêu biểu trong đời sống tinh thần của người Chăm-pa là

- A. Xuống đồng. B. Cầu mưa. C. Đua bò. D. Ka-tê.

Câu 2. Văn hóa Chăm-pa chịu ảnh hưởng đậm nét của nền văn hóa nào trên thế giới?

- A. Trung Quốc. B. Ai Cập. C. Ấn Độ. D. Ả Rập.

Câu 3. Ngô Quyền đã lựa chọn địa điểm nào làm trận địa chống quân Nam Hán xâm lược?

- A. Vùng cửa sông Tô Lịch. B. Vùng cửa sông Bạch Đằng.
C. Làng Ràng (Thanh Hóa). D. Núi Nưa (Thanh Hóa).

Câu 4. Ai là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán năm 938?

- A. Khúc Thừa Dụ. B. Khúc Hạo. C. Dương Đình Nghệ. D. Ngô Quyền.

Câu 5. Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở nước ta trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Nghề rèn sắt. B. Nghề đúc đồng. C. Nghề làm giấy. D. Nghề làm gốm.

Câu 6. Lãnh thổ chủ yếu của Vương quốc Phù Nam thuộc khu vực nào ở Việt Nam hiện nay?

- A. Tây Nguyên. B. Nam Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 7. Điểm nổi bật của tình hình văn hóa nước ta thời Bắc thuộc là gì?

- A. Văn hóa Hán không ảnh hưởng nhiều đến văn hóa nước ta.
B. Nhân dân ta tiếp thu văn hóa Trung Quốc một cách triệt để.
C. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa để phát triển văn hóa dân tộc.
D. Bảo tồn phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc.

Câu 8. Sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân gắn với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Bà Triệu B. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan
C. Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ D. Khởi nghĩa Lí Bí.

Câu 9: Các thành phần của lớp đất là

- A. không khí, nước, chất hữu cơ và khoáng. B. nước, không khí, chất vô cơ và mùn.
C. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật. D. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 10: Vùng đất cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là

- A. thượng lưu sông. B. hạ lưu sông. C. lưu vực sông. D. hữu ngạn sông.

Câu 11: Nhóm đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở vùng nhiệt đới?

- A. Đất pốt đôn. B. Đất đỏ vàng. C. Đất phù sa. D. Đất đen thảo nguyên.

Câu 12: Đi từ xích đạo về hai cực, các đới thiên nhiên phân bố theo thứ tự như thế nào?

- A. Đới lạnh, đới nóng, đới ôn hòa. B. Đới ôn hòa, đới nóng, đới lạnh.
C. Đới nóng, đới ôn hòa, đới lạnh. D. Đới nóng, đới lạnh, đới ôn hòa.

Câu 13: Thành phố đông dân nào sau đây thuộc châu Á?

- A. Mum-bai. B. Cai-rô. C. Bra-xin. D. Xao Pao-lô.

Câu 14: Dân cư thưa thớt ở những khu vực nào sau đây?

- A. Ven biển, hải đảo. B. Đồng bằng, trung du. C. Ven biển, ven sông. D. Hoang mạc, hải đảo.

Câu 15. Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng

- A. 2,5%. B. 30,1%. C. 68,7%. D. 97,5%.

Câu 16: Tiêu chí nào sau đây thể hiện tình hình phân bố dân cư?

- A. Tỉ lệ sinh. B. Mật độ dân số. C. Gia tăng cơ học. D. Gia tăng dân số.

B. TỰ LUẬN: (6,0 Điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Trình bày đặc điểm rừng nhiệt đới?

Câu 2: (1,5 điểm) Sóng là gì? Nguyên nhân sinh ra sóng? Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên nước đến sự phân bố dân cư.

Câu 3: (1,5 điểm) Những phong tục nào của người Việt từ thời Bắc thuộc vẫn còn được giữ gìn đến ngày nay? Giải thích tại sao qua hàng nghìn năm mà những truyền thống đó vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay?

Câu 4: (1,5 điểm) Tại sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán?

BÀI LÀM

ĐÁP ÁN:

A/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (4,0 Điểm)

ĐỀ A

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
D	C	C	C	D	D	B	B	C	D	C	A	D	B	B	A

ĐỀ B

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
D	C	B	D	C	B	C	D	A	C	B	C	A	D	D	B

B/ TỰ LUẬN: (6,0 Điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,5 điểm)	-Trình bày đặc điểm rừng nhiệt đới.	1,5
	+Phân bố: từ vùng Xích đạo đến hết vành đai nhiệt đới ở cả hai bán cầu.	0,5
	+ Nhiệt độ trung bình năm trên 21 ⁰ C.	0,25
	+Lượng mưa trung bình năm trên 1700 mm.	0,25
	+ Rừng gồm nhiều tầng; trong rừng nhiều loài cây thân gỗ, dây leo chằng chịt; động vật rất phong phú.	0,25
	+ Chia thành 2 kiểu chính: rừng mưa nhiệt đới, rừng nhiệt đới gió mùa.	0,25
Câu 2 (1,5 điểm)	- Sóng là gì? Nguyên nhân nào sinh ra sóng?	1,5
	+Sóng là hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương.	0,5
	+ Nguyên nhân sinh ra sóng chủ yếu là do gió.	0,5
	- Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên nước tới sự phân bố dân cư	0,5
	+ Những nơi có nguồn nước phong phú, thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân, dân cư tập trung đông.	0,25
	+ Ngược lại, những nơi thiếu nước (đặc biệt là nước ngọt) dân cư tập trung thưa thớt.	0,25
Câu 3 (1,5 điểm)	- Những phong tục nào của người Việt từ thời Bắc thuộc vẫn còn được giữ gìn đến ngày nay?	1,5
	+ Tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên....	0,5
	+ Tục xăm mình, búi tóc, nhuộm răng đen, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy...	0,5
	- Giải thích tại sao qua hàng nghìn năm mà những truyền thống đó vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay?	0,5
	+ Đó là những truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã ăn sâu vào máu thịt và tiềm thức của mỗi con người Việt, thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lao động cần cù sáng tạo....	0,5

Câu 4 (1,5 điểm)	-Tại sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán?	1,5
	+ Sông Bạch Đằng chảy giữa thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng). Đây là con đường thủy tốt nhất để đi vào nước ta	0,5
	+ Mức nước vùng cửa sông lúc thủy triều cao nhất và thấp nhất chênh nhau 2 đến 3m	0,5
	+ Địa hình xung quanh có nhiều cồn gò, bãi, đầm lầy giúp bố trí lực lượng quân thủy, bộ cùng chiến đấu chặn giặc	0,5